

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA CHÍNH TRỊ ĐẾN QUÁ TRÌNH CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ Ở MỸ VÀ NHẬT BẢN - TIẾP CẬN SO SÁNH

★ TS. NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

*Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Văn hóa chính trị vốn được tiếp cận từ nhiều cách khác nhau, song cơ bản đều thống nhất ở các giá trị chính trị cốt lõi mà mỗi cộng đồng thừa nhận, gìn giữ, từ đó ảnh xạ trong các hoạt động chính trị của mỗi quốc gia. Khác với cách tiếp cận mô tả riêng từng quốc gia, bài viết phân tích các đặc điểm văn hóa chính trị của Mỹ và Nhật Bản từ góc nhìn so sánh thông qua các chiều cạnh của văn hóa chính trị đã được xác định. Cụ thể, văn hóa chính trị Mỹ đề cao chủ nghĩa cá nhân, bình đẳng pháp lý và cạnh tranh công khai, bắt nguồn từ triết học Khai sáng, ảnh hưởng Thanh giáo và kinh nghiệm lập quốc của cộng đồng di dân đa dạng. Văn hóa chính trị Nhật Bản thiên về chủ nghĩa tập thể, tôn trọng thứ bậc và duy trì hài hòa xã hội, chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo, Phật giáo, Thần đạo và truyền thống làng xã. Sự khác biệt này không chỉ phản ánh nền tảng lịch sử - văn hóa mà còn định hình cách vận hành của hệ thống chính trị, đặc biệt là quá trình chính sách và hoạt động lãnh đạo chính trị thể hiện ở việc lựa chọn người lãnh đạo cũng như phong cách lãnh đạo chính trị ở mỗi quốc gia.

● **Từ khóa:** Văn hóa chính trị; Mỹ; Nhật Bản; quá trình chính sách; hoạt động lãnh đạo chính trị.

Đặt vấn đề

Hoa Kỳ và Nhật Bản là hai nền dân chủ phát triển hàng đầu thế giới, nhưng có nền tảng văn hóa chính trị rất khác biệt. Văn hóa chính trị Mỹ hình thành từ tư tưởng Khai sáng, chủ nghĩa Thanh giáo và kinh nghiệm khai phá, xây dựng quốc gia của các cộng đồng di dân đa sắc tộc⁽¹⁾. Những yếu tố này đã sản sinh ra một nền văn

hóa chính trị đề cao tự do cá nhân, bình đẳng pháp lý, tinh thần trách nhiệm và cạnh tranh. Ngược lại, Nhật Bản trải qua quá trình lịch sử với sự ảnh hưởng lâu dài của Nho giáo, Phật giáo, Thần đạo, cơ cấu xã hội phong kiến và văn hóa làng xã, tạo nên một nền văn hóa chính trị coi trọng lợi ích tập thể, tôn ti trật tự và sự hài hòa.

Theo đó, sự khác biệt giữa văn hóa chính trị Mỹ và Nhật Bản thể hiện rõ nét trên ba cặp chiều cạnh cốt lõi: (i) Đề cao cá nhân - Đề cao cộng đồng; (ii) Đề cao đồng đẳng - Đề cao trật tự và thứ bậc; (iii) Đề cao cạnh tranh - Đề cao hài hòa. Quan trọng hơn, sự khác biệt này đã ảnh hưởng khá rõ nét trong quá trình chính sách và hoạt động lãnh đạo chính trị bao gồm lựa chọn lãnh đạo và phong cách lãnh đạo của mỗi quốc gia.

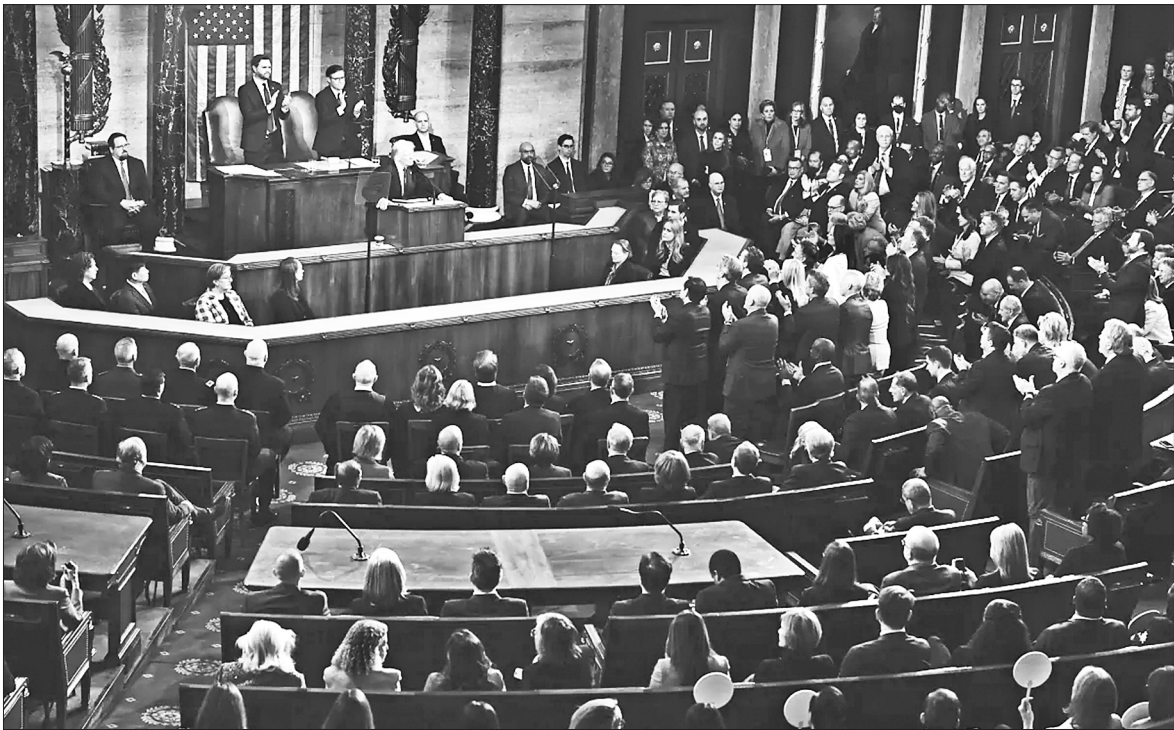
1. Những đặc trưng văn hóa chính trị ảnh hưởng đến quá trình chính sách ở Mỹ và Nhật Bản

Trước hết, xem xét việc đề cao cá nhân hay cộng đồng trong thứ tự ưu tiên của hai quốc gia cho thấy, ở Mỹ cá nhân được coi là đơn vị cơ bản của xã hội, các quyền tự quyết, tự do ngôn luận và quyền phản biện chính quyền được bảo vệ mạnh mẽ bởi Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Giá trị trọng cá nhân thấm sâu vào thiết kế thể chế và được thể hiện rõ nét và nhất quán trong quá trình hoạch định chính sách ở Mỹ. Theo Hofstede, Mỹ đứng trong nhóm quốc gia có chỉ số cá nhân chủ nghĩa cao nhất thế giới (IDV 90)⁽²⁾, gắn với các khẩu hiệu như “tự lực” (*Self-Reliance*) hay “Giấc mơ Mỹ” (*American Dream*). Đây là tiền đề văn hóa lý giải cho các tranh luận chính sách thường xoay quanh việc bảo đảm quyền và lợi ích cá nhân. Một minh chứng rõ nét là quá trình xây dựng và thông qua Đạo luật Bảo vệ và Chăm sóc Sức khỏe (Affordable Care Act - ACA, 2010). Đạo luật này đã đưa tới 2 điểm gây tranh cãi: (i) Individual Mandate - yêu cầu tất cả công dân và thường trú nhân hợp pháp phải mua bảo hiểm y tế, nếu không sẽ bị phạt tiền; (ii) Medicaid Expansion - yêu cầu các bang mở rộng chương trình Medicaid để bao phủ thêm người thu nhập thấp, nếu không sẽ mất toàn bộ ngân sách Medicaid từ liên bang.

Điều này khiến Liên đoàn Kinh doanh Quốc gia Độc lập (National Federation of Independent Business), cùng nhiều bang do Đảng Cộng hòa lãnh đạo khởi kiện lên Tòa án Tối cao và cho rằng: (i) Individual Mandate vi phạm Hiến pháp vì vượt quá thẩm quyền của Quốc hội theo Điều khoản Thương mại (Commerce Clause); (ii) Việc đe dọa cắt toàn bộ ngân sách Medicaid nếu bang không mở rộng là “ép buộc” (Coercion) và xâm phạm chủ quyền bang.

Cuối cùng, Tòa án Tối cao đã đưa ra phán quyết rằng: (i) Individual Mandate chỉ được giữ lại sau khi được diễn giải như một loại thuế hợp hiến, đồng thời mở quyền cho các bang từ chối mở rộng Medicaid⁽³⁾; (ii) Phần “cắt toàn bộ ngân sách Medicaid” là vi phạm Hiến pháp vì quá ép buộc các bang và các bang được quyền từ chối mở rộng Medicaid mà không mất khoản kinh phí Medicaid hiện có. Điều này cho thấy, mặc dù mục tiêu chính của ACA là mở rộng bao phủ y tế với mục tiêu vì lợi ích của cộng đồng, nhưng cấu trúc chính sách vẫn được thiết kế để giữ lại quyền lựa chọn của từng cá nhân. Cơ chế “thị trường bảo hiểm” cho phép người dân tự chọn gói bảo hiểm và nhà cung cấp phù hợp, thay vì áp đặt một mô hình y tế công duy nhất.

Rõ ràng, quy trình này cho thấy ngay cả trong một cải cách hướng tới lợi ích toàn dân, việc bảo đảm lựa chọn và quyền tự quyết vẫn là điều kiện then chốt để chính sách có thể được thông qua. Thực tế này cho thấy một đặc trưng căn bản của quy trình chính sách Mỹ là bảo đảm quyền cá nhân. Những chính sách có nguy cơ bị xem là xâm phạm quyền tự quyết, dù với mục tiêu công ích sẽ phải được điều chỉnh để tăng tính lựa chọn, giảm tính ép buộc hoặc chấp nhận khả năng bị tòa án bác bỏ do Hiến pháp Mỹ bảo vệ tối đa quyền và lợi ích cá nhân.



Tổng thống Donald Trump phát biểu trước lưỡng viện vào tối ngày 4/3/2025 _ Ảnh: NY Times

Ngoài ra, văn hóa chính trị Mỹ đặc trưng bởi hai giá trị đồng đẳng và cạnh tranh. Hai giá trị này không chỉ thể hiện ở kết quả chính sách mà ngay trong cách thức chính sách được hình thành. Đồng đẳng ở đây mang nghĩa mọi công dân và các chủ thể chính trị có vị thế ngang nhau trong việc tham gia, tranh luận và tác động tới quyết định chung, đối lập với mô hình ra quyết định dựa trên trật tự thứ bậc. Cạnh tranh lại thể hiện qua quá trình chính sách mang tính đối kháng, tranh luận công khai và so sánh năng lực, trái ngược với truyền thống ưu tiên hài hòa, đồng thuận như ở một số nền chính trị châu Á.

Trong Quốc hội Mỹ, đồng đẳng được thể hiện rõ ở nguyên tắc mỗi đại diện đều có quyền ngang nhau trong tranh luận và biểu quyết, bất kể thâm niên hay vị trí lãnh đạo. Các ủy ban lập pháp không chỉ là nơi thông

qua chỉ đạo từ cấp trên, mà là diễn đàn tranh luận mở, nơi nghị sĩ có thể chất vấn, sửa đổi và thậm chí bác bỏ đề xuất từ lãnh đạo đảng hoặc chính quyền. Điều này trái ngược với các hệ thống thứ bậc chặt chẽ, nơi ý kiến cấp cao gần như không bị thách thức. Quá trình thông qua *Civil Rights Act 1964* (Đạo luật xóa bỏ phân biệt chủng tộc hợp pháp) là một ví dụ tiêu biểu khi diễn ra với hàng tháng tranh luận kịch liệt, hàng chục lần bỏ phiếu thủ tục, và sự tham gia ngang hàng giữa các nghị sĩ, bất kể đến từ bang lớn hay nhỏ.

Cạnh tranh trong quá trình chính sách Mỹ thể hiện qua mô hình đối kháng lưỡng đảng và cạnh tranh lợi ích với sự tham gia của đa dạng các nhóm lợi ích khác nhau. Các dự luật thường phải trải qua giai đoạn vận động hành lang, điều trần công khai và bỏ phiếu nhiều vòng, nơi các nhóm lợi ích, đảng phái và cá

nhân cạnh tranh trực diện để giành ảnh hưởng. Khác với quy trình tìm đồng thuận trước khi công bố như ở Nhật Bản, chính sách Mỹ thường thông qua các vòng tranh luận công khai và sự giám sát của giới truyền thông và công chúng. Dự luật *Affordable Care Act* (2010) trải qua hơn một năm thương lượng công khai ở cả trong Ủy ban và phiên họp toàn thể, được truyền hình trực tiếp hoặc tường thuật rộng rãi trên báo chí. Các cuộc thương lượng không chỉ giữa Dân chủ và Cộng hòa, mà còn trong nội bộ đảng Dân chủ để dung hòa quan điểm của phe cấp tiến (ủng hộ bảo hiểm y tế công) và phe ôn hòa (lo ngại chi phí và vai trò chính phủ). Tại Hạ viện, ba ủy ban lớn (Energy and Commerce; Ways and Means; Education and Labor) tổ chức hơn 40 phiên điều trần với chuyên gia, nhóm lợi ích, và quan chức chính phủ; tại Thượng viện, Ủy ban Tài chính (*Senate Finance Committee*) và Ủy ban Y tế, Giáo dục, Lao động và Lương hưu (*HELP Committee*) tiến hành tổng cộng hơn 60 phiên điều trần⁽⁴⁾. Cuối cùng, sau khi Thượng viện không thể sửa đổi thêm do mất đa số 60 ghế (sau bầu cử đặc biệt ở Massachusetts), Hạ viện phải bỏ phiếu thông qua với kết quả 219 - 212 (21/3/2010), trong đó không nghị sĩ Cộng hòa nào ủng hộ; 34 nghị sĩ Dân chủ bỏ phiếu chống⁽⁵⁾.

Trong khi đó, ở Nhật Bản, gia đình, công ty và cộng đồng ở địa phương mới là trung tâm; cá nhân được kỳ vọng đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân để duy trì sự đồng thuận⁽⁶⁾. Tinh thần này bắt nguồn từ truyền thống gia tộc (*ie*), mô hình làng xã (*mura*) gắn kết chặt chẽ, ảnh hưởng của Nho giáo về trật tự và nghĩa vụ, cũng như cấu trúc doanh nghiệp sau Thế chiến II với chế độ việc làm trọn đời (*Lifetime Employment*). Các

nghiên cứu của Chie Nakane (1970) và Ronald Dore (1987)⁽⁷⁾ cho thấy, bản sắc cá nhân trong xã hội Nhật thường được định nghĩa thông qua vai trò trong nhóm và sự hòa hợp là giá trị định hướng hành vi tập thể.

Ưu tiên lợi ích tập thể còn định hình chính sách phúc lợi và an sinh xã hội. Các chương trình như bảo hiểm y tế toàn dân (ban hành năm 1961) hay hệ thống hưu trí quốc dân được thiết kế nhằm bao phủ rộng nhất có thể, kể cả khi điều đó đòi hỏi cá nhân phải đóng góp nghĩa vụ tài chính cao hơn. Trong ứng phó khủng hoảng, tinh thần cộng đồng này càng nổi bật. Sau thảm họa động đất và sóng thần Tōhoku năm 2011, người dân tự giác tuân thủ hướng dẫn sơ tán, chia sẻ nguồn lực và hỗ trợ lẫn nhau, giúp chính phủ triển khai cứu trợ một cách trật tự và hiệu quả.

Việc coi trọng hài hòa cũng được biểu hiện trong quá trình chính sách, đặc trưng văn hóa này thể hiện rõ ở cách tiếp cận đồng thuận và hợp tác đa bên. Các quyết sách lớn hiếm khi được áp đặt từ trên xuống mà được hình thành qua cơ chế *Nemawashi* (trao đổi, thuyết phục thông qua các kênh không chính thức) và *Ringi* (phê duyệt tuần tự qua nhiều cấp). Điều này giúp chính sách phản ánh lợi ích chung và tăng khả năng thực thi, bởi các bên liên quan đã đồng thuận từ trước. Một ví dụ nổi bật là trong thời kỳ 1950-1980, Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế (MITI) đã phối hợp chặt chẽ với hiệp hội ngành và chính quyền địa phương để xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp thép, ô tô, điện tử với mục tiêu không chỉ là tăng trưởng GDP, mà còn ổn định xã hội, tạo việc làm bền vững và duy trì hài hòa giữa các nhóm lợi ích. Cụ thể, MITI khuyến khích doanh nghiệp duy trì chế độ việc làm trọn đời và hạn chế sa thải hàng loạt, ngay cả khi ngành

gặp khó khăn; đầu tư hạ tầng và công nghiệp được phân bổ để tránh tập trung quá mức ở Tokyo - Osaka, giảm bất bình đẳng vùng miền; khi định hướng ngành thép và ô tô, MITI không chỉ cân nhắc lợi nhuận xuất khẩu mà còn cả năng lực cung ứng việc làm, ổn định chuỗi cung ứng nội địa và duy trì các doanh nghiệp nhỏ hỗ trợ.

Rõ ràng, sự ưu tiên giữa các giá trị văn hóa chính trị đã ảnh hưởng nhất định đến quá trình chính sách ở mỗi quốc gia. Trong khi quá trình chính sách ở Mỹ thể hiện rõ mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích cá nhân thông qua tranh luận và cạnh tranh công khai giữa các nhóm lợi ích và đảng phái thì quá trình này ở Nhật Bản lại hướng tới tính hài hòa, đồng thuận trong nội bộ đảng cũng như ưu tiên bảo vệ lợi ích của cộng đồng.

2. Những đặc trưng văn hóa chính trị ảnh hưởng đến hoạt động lãnh đạo chính trị ở Mỹ và Nhật Bản

Theo mô hình giá trị văn hóa của Hofstede (2010), Hoa Kỳ có chỉ số cá nhân chủ nghĩa (Individualism) cao và chỉ khoảng cách quyền lực (Power Distance) thấp⁽⁸⁾, thể hiện xu hướng đề cao quyền tự chủ, đồng thời hoài nghi các cấu trúc ưu tiên các giá trị mang tính trật tự và thứ bậc. Điều này song hành với giá trị coi trọng cạnh tranh mạnh mẽ trong đời sống chính trị, nơi mà việc lựa chọn người lãnh đạo dựa trên năng lực thay vì tuổi tác hay nguồn gốc xuất thân.

Đối với việc lựa chọn lãnh đạo chính trị cho thấy Tổng thống Hoa Kỳ được thiết kế để tối đa hóa sự tham gia bình đẳng và cạnh tranh công khai. Hệ thống này buộc các ứng viên phải thuyết phục từng nhóm cử tri địa phương, trình bày chương trình tranh cử trước sự chứng kiến và đánh giá công khai của truyền thông

và dư luận. Theo Aldrich (1995), đây là một “thị trường chính trị mở” nơi ứng viên cạnh tranh để tối đa hóa phiếu bầu và uy tín⁽⁹⁾. Tại Quốc hội, các chức vụ lãnh đạo như: Chủ tịch Hạ viện hay Lãnh đạo phe đa số được bầu qua bỏ phiếu kín trong nhóm nghị sĩ của đảng (Caucus/Conference) và chính thức xác nhận trên sàn Quốc hội. Mỗi nghị sĩ có giá trị lá phiếu ngang nhau, bất kể thâm niên hay quy mô bang. Một minh chứng gần đây là cuộc bầu Chủ tịch Hạ viện năm 2023, kéo dài 15 vòng bỏ phiếu - nhiều nhất kể từ năm 1923⁽¹⁰⁾. Điều này cho thấy chuẩn mực cạnh tranh được duy trì ngay cả trong nội bộ đảng. Quy trình này khác biệt hẳn với các hệ thống lập pháp đặt nặng thâm niên hoặc chỉ định lãnh đạo qua thương lượng kín.

Trong môi trường văn hóa với PDI thấp, vị trí lãnh đạo không đồng nghĩa với quyền lực tuyệt đối. Cụ thể, Chủ tịch Hạ viện hay Lãnh đạo phe đa số Thượng viện chỉ duy trì quyền lực nếu giữ được sự ủng hộ của đa số nghị sĩ cùng đảng và có thể bị thay thế nếu mất niềm tin.

Phong cách lãnh đạo ở Mỹ thiên về vai trò điều phối hơn là mệnh lệnh. Lãnh đạo phải thường xuyên thương lượng với các đồng nghiệp, kể cả trong nội bộ đảng, thay vì chỉ đạo từ trên xuống. Mô hình này khiến sự tôn trọng dành cho lãnh đạo đến từ khả năng thuyết phục và tạo liên minh thay vì dựa vào thâm niên hay địa vị xã hội.

Trong chính trị Mỹ, việc tránh đối đầu để giữ hòa khí không phải là ưu tiên số một, ngược lại tranh luận công khai được coi là một phần của quá trình dân chủ. Để thông qua Affordable Care Act (2010), Tổng thống Obama và lãnh đạo Quốc hội (Nancy Pelosi, Harry Reid) đã công khai bảo vệ dự luật trước báo chí, phản bác chỉ trích từ phe Cộng hòa và cả

nội bộ đảng. Thay vì né tránh, họ dùng tranh luận công khai để huy động dư luận ủng hộ và gây áp lực chính trị.

Ở Nhật Bản, với chỉ số khoảng cách quyền lực cao thể hiện thông qua việc tôn trọng thẩm quyền cấp trên; chủ nghĩa tập thể ưu tiên duy trì tổ chức ổn định hơn thay đổi đột ngột và coi trọng hài hòa, tránh đối đầu trực tiếp và tranh luận công khai đã góp phần tác động đến hoạt động lãnh đạo chính trị ở quốc gia này.

Trong hoạt động lãnh đạo chính trị, các giá trị này thể hiện rõ qua cách lựa chọn lãnh đạo và phong cách lãnh đạo:

Trước hết, việc lựa chọn lãnh đạo chính trị ở Nhật, đặc biệt trong Đảng Dân chủ Tự do (LDP) thường diễn ra thông qua thỏa thuận nội bộ giữa các phe phái hơn là cạnh tranh trực diện trước công chúng⁽¹¹⁾. Các “phe phái” (*Faction*) trong LDP đóng vai trò là trung tâm đàm phán để thống nhất ứng viên dựa trên thâm niên, kinh nghiệm chính trị và khả năng duy trì hòa hợp giữa các nhóm quyền lực, thay vì dựa trên chỉ số ủng hộ cá nhân trong dân chúng. Năm 2021, Fumio Kishida trở thành Chủ tịch LDP và là Thủ tướng Nhật nhờ sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ các lãnh đạo phái, dù ban đầu không dẫn đầu trong các khảo sát dư luận⁽¹²⁾.

Thứ hai, phong cách lãnh đạo chính trị ở Nhật Bản phản ánh sâu sắc nguyên tắc hài hòa và đồng thuận. Các nhà lãnh đạo đóng vai trò điều phối lợi ích giữa các bộ ngành, phái đảng và nhóm lợi ích, hơn là áp đặt quyền lực cá nhân một cách trực diện. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu phản đối khi chính sách được công bố, mà còn bảo đảm mọi bên liên quan cảm thấy lợi ích của mình được xem xét.

Ngoài ra, văn hóa tránh đối đầu công khai cũng ảnh hưởng đến cách lãnh đạo trong việc xử lý các bất đồng. Khi xuất hiện nhiều ứng

viên trong cuộc bầu Chủ tịch LDP, chiến dịch vận động vẫn nhấn mạnh vào tầm nhìn chung và cam kết hợp tác, thay vì công kích cá nhân - điều vốn phổ biến trong bầu cử sơ bộ ở Mỹ.

Theo đó, văn hóa chính trị đã định hình sự khác biệt khá lớn trong việc xây dựng hình ảnh của các nhà lãnh đạo chính trị ở hai quốc gia Mỹ và Nhật Bản. Ở Mỹ, nhà lãnh đạo thường được khắc họa như người “dẫn đầu” đầy tự tin, sẵn sàng đối đầu và tranh luận công khai, thành công của nhà lãnh đạo chính trị đến từ khả năng hùng biện, sức thuyết phục, năng lực lãnh đạo chiến dịch và xây dựng liên minh chính trị. Trong khi đó ở Nhật Bản, nhà lãnh đạo được kỳ vọng là người biết cân bằng lợi ích, duy trì đồng thuận và bảo vệ ổn định trong tổ chức. Thành công của nhà lãnh đạo chính trị gắn với uy tín trong nội bộ và vị thế lãnh đạo của họ thường xuất phát từ thâm niên kinh nghiệm và mối quan hệ chặt chẽ với các phái trong đảng nên họ thường được xem là đại diện của tổ chức thay vì được cá nhân hóa (tức hoạt động lãnh đạo mang đậm dấu ấn cá nhân) như các nhà lãnh đạo chính trị của Mỹ.

Có thể nói, văn hóa chính trị là nền tảng định hình sâu sắc cả quá trình hoạch định chính sách lẫn hoạt động lãnh đạo chính trị ở Mỹ và Nhật Bản. Mô hình Mỹ khuyến khích đổi mới, phản biện và cạnh tranh chính trị, nhưng dễ tạo chia rẽ; mô hình Nhật Bản bảo đảm ổn định và đoàn kết, nhưng có thể làm chậm cải cách trong các lĩnh vực cần thay đổi nhanh. Việc không có mô hình văn hóa chính trị nào là ưu việt đồng thời cho thấy văn hóa chính trị là các giá trị định hướng hành vi chính trị mà các thành viên trong một cộng đồng quốc gia dân tộc thừa nhận và chia sẻ cùng nhau, theo đó, thứ tự ưu tiên đối với các giá trị quy định đặc trưng văn hóa chính trị của mỗi quốc gia ❖

- (1) Nguyễn Thái Yên Hương (2018), “*Đặc trưng văn hóa Mỹ và tác động tới chính sách đối ngoại của Mỹ*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- (2) IDV là viết tắt của Individual Dimension Value (Chỉ số chiều cạnh văn hóa coi trọng cá nhân) trong mô hình văn hóa quốc gia của Geert Hofstede. Xem thêm tại: Hofstede Insights (2023), “*Country Comparison United States*”, <https://www.hofstede-insights.com>.
- (3) Individual Mandate được Tòa án Tối cao phán quyết là không hợp hiến vì Quốc hội không thể ép công dân tham gia thị trường, song là hợp hiến nếu coi khoản phạt là một loại thuế theo quyền đánh thuế của Quốc hội với lý do khoản phạt được thu qua cơ quan thuế, không có hình phạt hình sự và mức tiền không quá lớn, bản chất giống thuế.
- (4) United States Senate, Committee on Finance (2010), *America’s Healthy Future Act of 2009: Committee Report*, Washington, D.C.: U.S. Government Printing Office.
- (5) U.S. House of Representatives (2010), “*Office of the Clerk*”, Roll Call 165.
- (6) Nakane (1970), “*Japanese Society*, University of California Press”, Berkeley & Los Angeles.
- (7) Dore, R. (1987), *Taking Japan Seriously: A Confucian Perspective on Leading Economic Issues*, Stanford, CA: Stanford University Press.
- (8) Chỉ số khoảng cách quyền lực - PDI (Power Distance Index) đo lường mức độ mà các thành viên của một xã hội chấp nhận và mong đợi sự phân bổ quyền lực không đồng đều. Khoảng cách quyền lực thấp nghĩa là xã hội không chấp nhận sự chênh lệch quyền lực quá lớn giữa người lãnh đạo và người dưới quyền. Các thành viên kỳ vọng mối quan hệ ngang hàng hơn, ít nghi thức phân cấp và quyền lực được biện minh bằng năng lực và thành tích hơn là vị trí hay tuổi tác. Xem thêm tại: Hofstede, G. (2010), *Cultures and Organizations: Software of the Mind (3rd ed.)*, New York: McGraw-Hill, pp.61-97.
- (9) Aldrich, J. H. (1995), *Why Parties? The Origin and Transformation of Political Parties in America*, trong: Chicago: University of Chicago Press, pp.246-250.
- (10) Valerie Heitshusen (2023), “*Speakers of the House: Elections, 1913-2023*”, trong: CRS Report RL30857, tại: https://www.congress.gov/crs-product/RL30857?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 20/6/2025.
- (11) Curtis, G. L. (1999), *The Logic of Japanese Politics: Leaders, Institutions, and the Limits of Change*, New York: Columbia University Press, pp.240-250.
- (12) Satoshihiro Akimoto (2022), “*Tailwinds Favorable for Kishida and LDP in July’s Upper House Election*”, trong: Sasakawa Peace Foundation USA, tại: <https://spfusa.org/publications/tailwinds-favorable-for-kishida-and-ldp/>, truy cập ngày 20/7/2025.

Tài liệu tham khảo:

1. Hofstede, G. (2010), *Cultures and Organizations: Software of the Mind (3rd ed.)*, New York: McGraw-Hill.
2. Stockwin, J. A. A. (2021), *Governing Japan: Tradition and Modernity*, Routledge.
3. Sugimoto, Y. (2014), *An Introduction to Japanese Society*, Cambridge University Press.